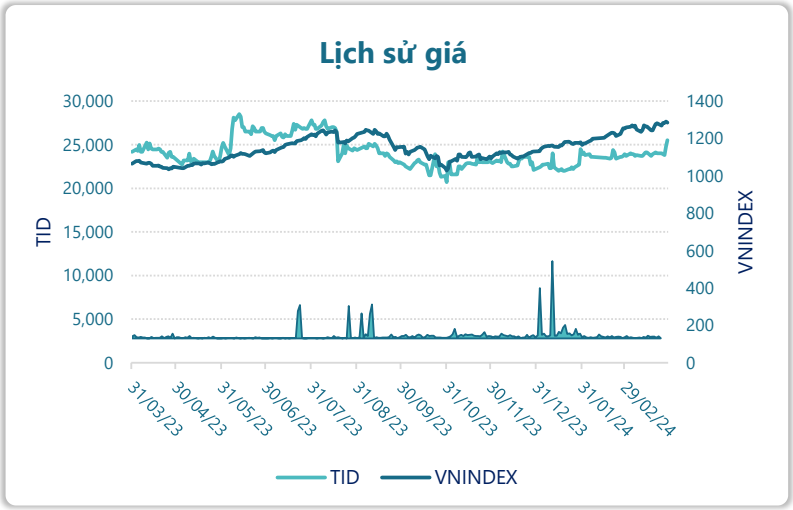
FireAnt

CTCP Tổng Công ty Tín Nghĩa (UPCOM: TID)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,700
SL cổ phiếu LH	200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,035
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,100
P/E	20.9
EPS	1,221

DT thuần

Q1/24

2,780

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 187| 7.2%

YoY: ▲ 670| 31.7%

LN sau thuế

Q1/24

42.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼71.2| -62.4%

YoY: ▲ 26.4| 161%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

6.2%

+/- YoY: ▲ 3.0%

DT thuần

2023

8,595

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,040| -10.8%

LN sau thuế

2023

260

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 118| 82.4%

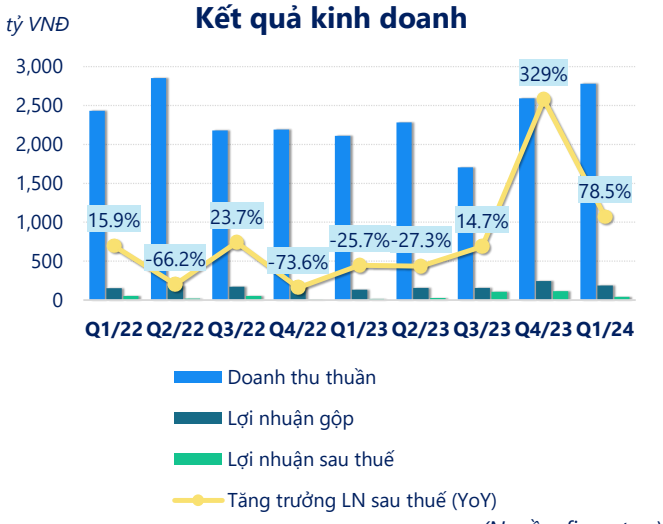
ROE

2023

5.9%

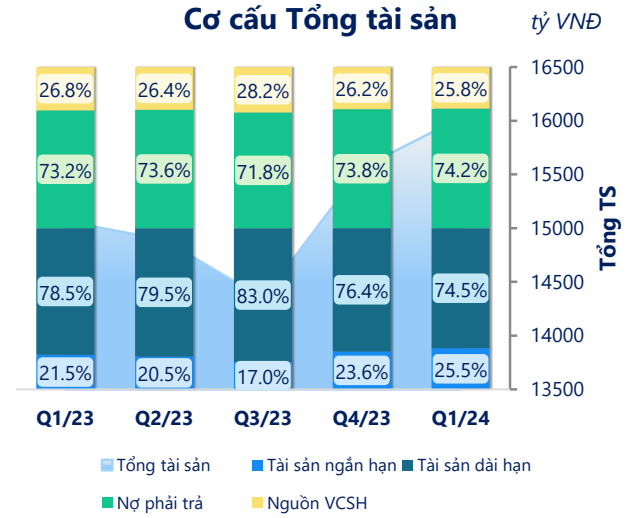
+/- YoY: ▲ 2.4%

Kết quả kinh doanh



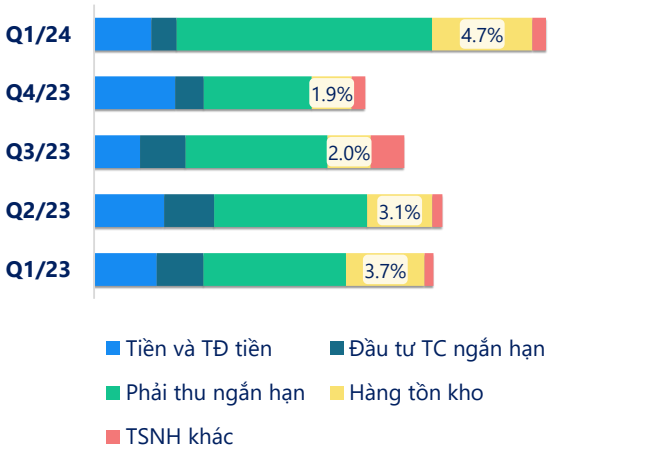
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



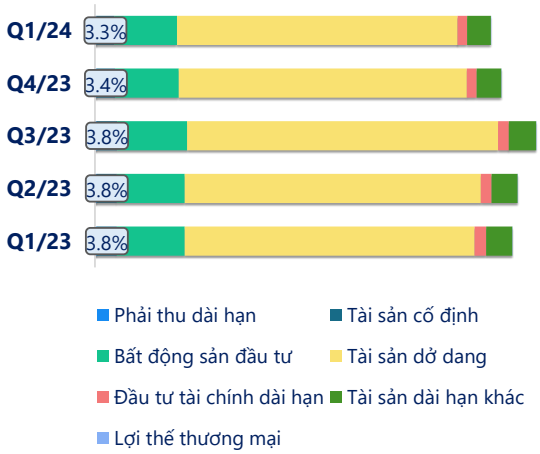
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



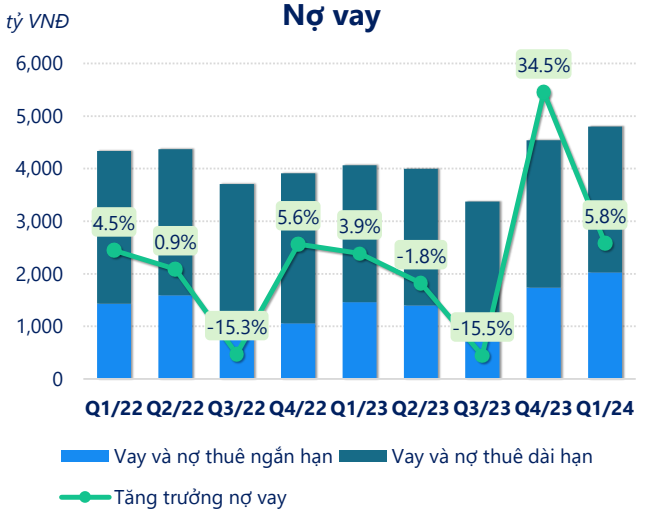
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



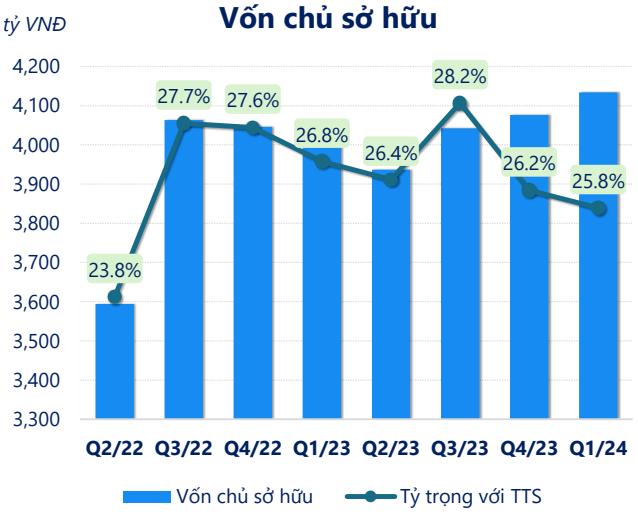
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



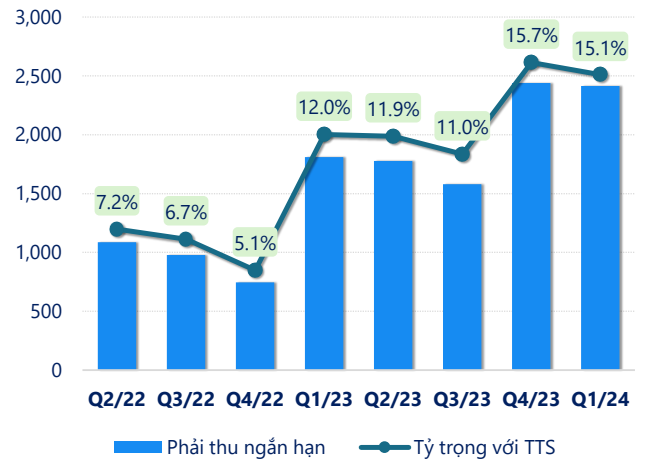
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



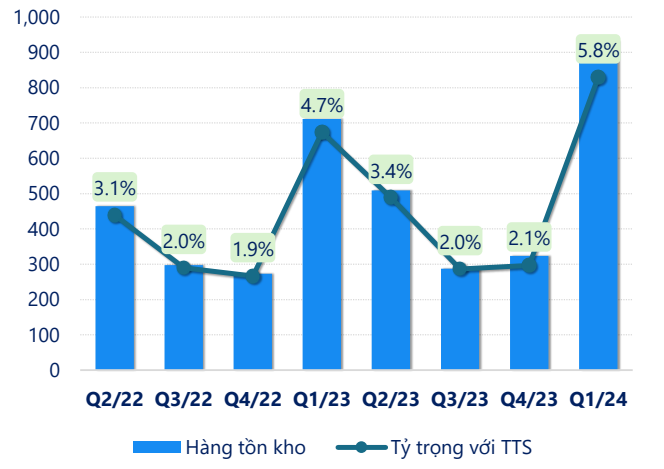
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



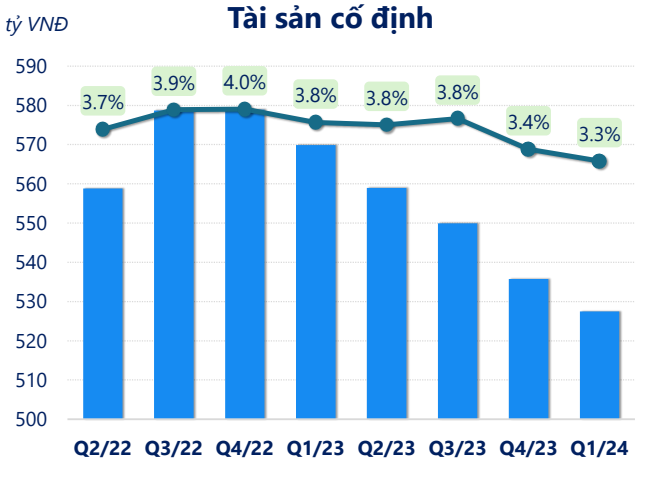
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



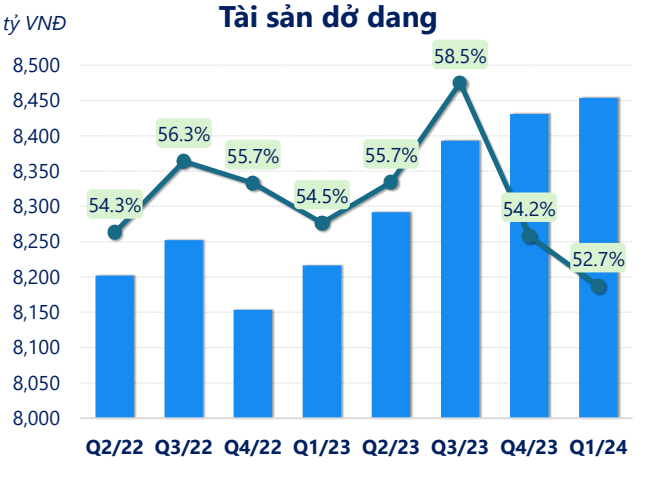
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



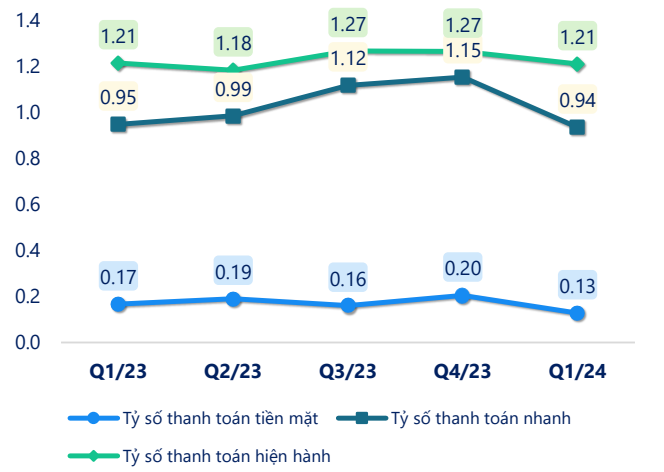
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



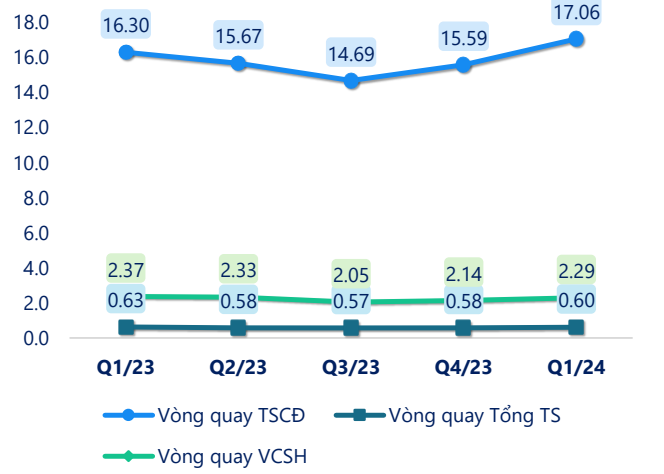
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**15,067**	**14,891**	**14,347**	**15,563**	**16,028**
Tài sản ngắn hạn	**3,240**	**3,047**	**2,443**	**3,668**	**4,090**
Tiền và tương đương tiền	444	491	309	593	432
Đầu tư tài chính ngắn hạn	179	180	171	227	218
Phải thu ngắn hạn	1,809	1,776	1,579	2,441	2,413
Hàng tồn kho	711	509	288	323	931
Tài sản ngắn hạn khác	96.8	90.2	96.1	83.1	97.0
Tài sản dài hạn	**11,827**	**11,844**	**11,904**	**11,895**	**11,938**
Phải thu dài hạn	52.4	51.9	52.1	53.0	52.0
Tài sản cố định	570	559	550	536	527
Bất động sản đầu tư	1,919	1,905	1,881	1,866	1,897
Tài sản dở dang	8,216	8,292	8,393	8,431	8,454
Đầu tư tài chính dài hạn	326	297	293	283	284
Tài sản dài hạn khác	741	738	733	726	722
Lợi thế thương mại	2.19	1.95	1.70	1.46	1.22
Nợ phải trả	**11,023**	**10,954**	**10,305**	**11,487**	**11,894**
Nợ ngắn hạn	**2,667**	**2,574**	**1,927**	**2,899**	**3,379**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,459	1,398	756	1,738	2,025
Phải trả người bán ngắn hạn	155	105	126	116	128
Nợ dài hạn	8,355	8,380	8,378	8,588	8,515
Vay và nợ thuê dài hạn	2,606	2,595	2,617	2,800	2,774
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,045**	**3,937**	**4,042**	**4,076**	**4,134**
Vốn chủ sở hữu	**4,045**	**3,936**	**4,042**	**4,076**	**4,134**
Vốn điều lệ	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Kinh phí và quỹ khác	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08

(Nguồn: fireant.vn)